

Điện Biên, ngày 19 tháng 5 năm 2020

Số: 45/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 99/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2020, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Quàng Thị V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Đội 24, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

* Bị đơn: Anh Quàng Văn C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đội 24, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 05 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Quàng Thị V và anh Quàng Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị V và anh Quàng Văn C thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Quàng Văn C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Quàng Văn H, sinh ngày 15/10/2002 cho đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị V và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ lấy về: Không có; Nợ phải trả; diện tích ruộng, nương: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000 đồng án phí DSST, nhưng chị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003380 ngày 16/4/2020, chị V được trả lại số tiền 150.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã T.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Thủy